

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HS-PT

Ngày: 26- 02- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2018/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Văn Đ, sinh năm 1986 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2012, đã nộp 200.000đ án phí vào tháng 12/2011, các quyết định khác của bản án không có; tạm giữ ngày 18/9/2018 đến ngày 27/9/2018, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Anh Trần Văn C1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 17/9/2018, Trần Văn Đ sang phòng của vợ chồng em trai là Trần Văn C1 và Phạm Thị Mỹ V, cùng sống chung gia đình để lấy sữa cho con gái của C1 thì phát hiện túi xách màu đen để dưới gối trên đầu giường, nghĩ bên trong có cất giấu tài sản. Sau khi lấy sữa cho con gái của C1 xong thì Đ về phòng của mình ngủ.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày Đ thức dậy và đi qua phòng của vợ chồng C1. Lúc này trong phòng không có người, cửa không khóa, Đ đi đến đầu giường lấy gối lên mở túi xách, bên trong có túi vải nhỏ màu đỏ đựng chiếc nhẫn có mặt hình con cạp và sợi dây chuyền vàng. Đ lấy trộm chiếc nhẫn bỏ vào túi quần rồi thuê xe ôm đến tiệm vàng T1 thuộc ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cầm cho chị Nguyễn Thị Kim P là chủ tiệm vàng với giá 2.700.000 đồng, số tiền này Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ thuê xe ôm quay lại tiệm vàng T1 để bán chiếc nhẫn đã cầm, sau khi trừ số tiền đã cầm, chủ tiệm vàng đưa cho Đ 200.000 đồng. Số tiền này Đ đi thuê phòng trọ ngủ đến sáng hôm sau về nhà thì bị Công an bắt giữ. Lúc cầm và bán chiếc nhẫn Đ không nói cho chị P biết tài sản do phạm tội mà có. Qua làm việc, Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu hồi một chiếc nhẫn vàng trên mặt có hình con cạp để trưng cầu định giá.

Ngày 19/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tiến hành định giá và kết luận: 01 (một) chiếc nhẫn vàng trên mặt có hình con cạp, loại vàng 18K, trọng lượng 1,45 chỉ có giá trị là 3.190.000 đồng.

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Kim P yêu cầu Đ trả lại số tiền 2.900.000 đồng. Anh C1 và chị V đã tự nguyện khắc phục cho chị P xong và không yêu cầu Đ phải trả lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho anh Trần Văn C1 tài sản bị mất trộm nêu trên, anh C1 không yêu cầu gì thêm.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim P là chủ tiệm vàng T1, không biết tài sản Đ đem cầm và bán cho chị P là do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 01 (một) năm tù tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra án còn tuyên về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/12/2018 bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức án 01 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ, tình tiết mới làm căn cứ sửa bản án sơ thẩm, bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo luật định. Nên căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ. Xét thấy mức án 01 (một) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, tình tiết mới làm căn cứ để áp dụng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo, xét đề nghị của bị hại phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo bởi bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo luật định.

[4] Ngày 27/9/2018 cơ quan có thẩm quyền quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn, đã thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đ, nên án sơ thẩm tuyên hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù là đúng. Nhưng án sơ thẩm không trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2018 đến ngày 27/9/2018 là thiếu sót. Vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh chưa phù hợp như đã phân tích trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Trần Văn Đ. Sửa bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Văn Đ.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/9/2018 đến ngày 27/9/2018.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện C;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, HS (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng